

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**Hoàng Lê Thúy Nga**

**TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Báo chí học**

**Mã số: 9320101.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC**

**Hà Nội - 2023**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và  
Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Dương Xuân Sơn  
2. TS. Đỗ Anh Đức

Phản biện: PGS.TS. Đinh Thị Thuý Hằng

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Phản biện: PGS.TS. Phạm Văn Thuần

Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội

Phản biện: PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng

Hội Nhà báo Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia  
chấm luận án tiến sĩ họp tại .....

vào hồi            giờ            ngày            tháng            năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

# DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

## LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Lê Thúy Nga (2020), “Vai trò của báo chí trong quá trình truyền thông về triết lý giáo dục: góc nhìn từ lý thuyết”, *Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia: Triết lý giáo dục Việt Nam mới: Nội dung và giải pháp*, tr.193-202
2. Hoàng Lê Thúy Nga (2021), “Vai trò của báo chí trong công tác truyền thông về chính sách tự chủ đại học: tiếp cận từ lý thuyết “không gian công””, *Tạp chí khoa học Đại học Khánh Hòa* (1), tr.45-50.
3. Le Thuy Nga Hoang and Anh Duc Do (2021), “Communicating Higher Education Policies Supporting Sustainable Development in Vietnam”, *The international conference on contemporary issues in sustainable development CISD 2021 part 1*, pp.151-157.
4. Hoàng Lê Thúy Nga (2022), “Vai trò của báo chí đối với truyền thông chính sách tự chủ đại học”, *Nghiên cứu – Trao đổi, Tạp chí Cộng sản (bản điện tử)*, 05-07-2022  
<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/825559/vai-tro-cua-bao-chi-doi-voi-truyen-thong-chinh-sach-tu-chu-dai-hoc.aspx>
5. Le Thuy Nga Hoang (2022), “The role of social criticism in the communication process on universal education policy in online press Vietnam”, *The 3<sup>rd</sup> International Conference on Science, Technology, and Society Studies (STS) 2022*, pp.438-443.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Giáo dục đại học (GDĐH) có vai trò, vị trí chủ đạo trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Chính sách là trong những yếu tố then chốt cho sự phát triển của GDĐH ở mỗi quốc gia. Việc xây dựng chính sách, công bố chính sách đến người dân, thực thi như thế nào cũng liên quan đến truyền thông. Báo chí không chỉ phổ biến chính sách GDĐH, mà còn là diễn đàn để toàn xã hội bàn luận. Là cầu nối giữa chủ thể ban hành chính sách và đối tượng thụ hưởng chính sách, báo chí tham gia chặt chẽ từ hoạch định, soạn thảo, hoàn thiện đến thực thi, đánh giá. Báo chí là kênh trung gian để phản ánh ý kiến của công chúng trong quá trình thực thi chính sách. Cá nhân, tổ chức ở các cơ sở GDĐH cần hiểu chính sách để phản biện, góp ý đồng thời thực hiện chính sách. Các nhà quản lý thì cần thông tin để xây dựng, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn. Sự tham gia của báo chí trong truyền thông chính sách một mặt đảm bảo cho sự thành công, mặt khác giúp chính sách ngày càng hoàn thiện, góp phần tạo sự đồng thuận trong thực thi chính sách.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng báo chí tham gia truyền thông chính sách về GDĐH, nhằm xây dựng luận cứ khoa học và thực tiễn, đánh giá vai trò của báo chí đối với truyền thông chính sách GDĐH, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách về GDĐH là vấn đề có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đây là vấn đề cần được tiếp cận và nghiên cứu ở nhiều góc độ. Cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào vừa toàn diện, vừa chuyên sâu về truyền thông chính sách giáo dục đại học trên báo chí. NCS chỉ chọn nghiên cứu ở một loại hình báo chí với đề tài “*Truyền thông chính sách về giáo dục đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay*” cho luận án bậc tiến sĩ báo chí học.

### 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

#### 2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng về truyền thông chính sách GDĐH trên báo điện tử, sự phản hồi của một số nhóm đối tượng tiếp nhận chính sách GDĐH, từ đó, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách về GDĐH trên báo điện tử.

#### 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

*Thứ nhất*, thực hiện tổng quan các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam về những vấn đề liên quan đến đề tài, từ đó xác định vấn đề trọng tâm và hướng nghiên cứu của luận

án.

*Thứ hai*, hệ thống hoá, thao tác hoá các khái niệm công cụ liên quan đến đề tài nghiên cứu làm cơ sở cho việc xây dựng khung lý thuyết đề tài nghiên cứu.

*Thứ ba*, khảo sát, đánh giá hiện trạng về nội dung, phương thức truyền thông một số chính sách về GDĐH trên báo điện tử ở Việt Nam

*Thứ tư*, khảo sát, đánh giá sự tiếp nhận và phản hồi của một số nhóm đối tượng liên quan đối với truyền thông chính sách GDĐH trên báo điện tử

*Thứ năm*, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại đối với truyền thông chính sách về GDĐH, đối chiếu với khung lý thuyết và khung phân tích được xây dựng để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách về GDĐH trên báo điện tử.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là truyền thông chính sách về giáo dục đại học trên báo điện tử Việt Nam hiện nay.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

+Nghiên cứu nội dung, hình thức truyền thông chính sách về GDĐH trên báo điện tử thông qua các tờ báo được lựa chọn: *Báo Giáo dục và thời đại online, Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam, báo Dân trí, báo Tuổi trẻ online, báo VnExpress.*

+ Đối với khảo sát công chúng: Đề tài khảo sát công chúng tại: Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh, chủ yếu là tập trung vào 02 nhóm công chúng thực thi chính sách gồm: (a) Những người làm công tác quản lý, không quản lý, giảng viên, cán bộ hành chính ở các trường đại học và (b) Người học

### **4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

#### **4.1. Câu hỏi nghiên cứu**

*Câu hỏi 1:* Báo điện tử quan tâm và thiết lập chương trình nghị sự về chính sách GDĐH như thế nào?

*Câu hỏi 2:* Báo điện tử thể hiện chức năng phản biện xã hội về chính sách GDĐH như thế nào?

*Câu hỏi 3:* Báo điện tử đóng góp như thế nào vào việc thực thi chính sách và kiến tạo đồng thuận xã hội về chính sách GDĐH ?

*Câu hỏi 4:* Các nhóm đối tượng công chúng có liên quan đánh giá như thế nào về truyền thông chính sách GDĐH trên báo điện tử ?

#### **4.2. Giả thuyết nghiên cứu**

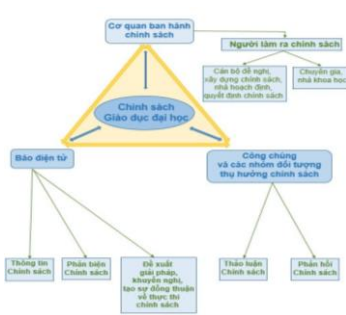
*Giả thuyết 1:* Các báo đều tập trung vào các chính sách trọng tâm, tiêu điểm của chính sách GDĐH, hướng công chúng chú ý đến những nội dung và vấn đề chính của GDĐH. Tác phẩm báo chí tham gia truyền thông chính sách ở các báo là chủ yếu thuộc dạng thông tấn báo chí.

*Giả thuyết 2:* Các báo đăng tải, tập hợp ý kiến thảo luận, phản biện của nhiều nhóm đối tượng, nhưng chiếm đa số vẫn là ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý, giảng viên của các cơ sở GDĐH.

*Giả thuyết 3:* Báo điện tử có tính xây dựng, góp phần tạo lập đồng thuận xã hội về thực thi chính sách GDĐH.

*Giả thuyết 4:* Các đối tượng công chúng liên quan có sự quan tâm đến chính sách GDĐH và hài lòng với báo điện tử trong truyền thông chính sách GDĐH, tuy nhiên họ có mong muốn và đòi hỏi cao hơn về việc báo điện tử phải có sự dịch chuyển từ “tuyên truyền” sang truyền thông chính sách về GDĐH.

## 5. Khung phân tích



Hình 1. Mô hình khung phân tích của luận án

## 6. Phương pháp nghiên cứu

### 6.1. Phương pháp luận

- *Phương pháp luận chung:* Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin: sử dụng phép duy vật biện chứng và phép duy vật lịch sử; quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng về báo chí truyền thông, lý luận báo chí truyền thông.

- *Phương pháp luận chuyên ngành:* NCS sử dụng một số chức năng của báo chí và các lý thuyết:

(1) Lý thuyết *Thiết lập chương trình nghị sự:* Áp dụng lý thuyết này để thống kê, tổng hợp, phân tích các nội dung và phương thức

truyền thông về chính sách GDĐH trên báo chí. Đồng thời để giải quyết các vấn đề: Đối tượng nào thiết lập chương trình nghị sự trên báo chí? Nội dung được “thiết lập nghị sự”, gây sự chú ý trên báo điện tử là gì?

(2) Lý thuyết *Đóng khung*: Áp dụng lý thuyết để phân tích chương trình nghị sự trên báo chí được đóng khung như thế nào, từ đó, phân tích hiện trạng báo chí đóng khung chương trình nghị sự đến các đối tượng chính sách GDĐH.

(3) Lý thuyết *Sử dụng và hài lòng*: Sử dụng lý thuyết này để đánh giá sự tiếp nhận và phản hồi của các nhóm công chúng và các đối tượng liên quan đến chính sách GDĐH, từ đó, luận án có cơ sở để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của báo điện tử trong truyền thông chính sách về GDĐH.

(4) Chức năng *Phản biện xã hội*: Hướng tiếp cận dựa trên chức năng này là cơ sở lý luận để luận án đánh giá nội dung, phương thức phản biện chính sách GDĐH trên báo điện tử.

## **6.2. Phương pháp công cụ**

Luận án sử dụng phương pháp liên ngành: phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Cụ thể:

(1) *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Được dùng để khảo cứu, phân tích các tài liệu thứ cấp gồm công trình khoa học, sách, tài liệu chuyên khảo liên quan đến các vấn đề nghiên cứu, từ đó xây dựng cơ sở lý luận cho luận án. Phương pháp phân tích nội dung để khảo sát, phân tích, tổng hợp các tác phẩm báo chí trên báo điện tử truyền thông cho chính sách GDĐH.

(2) *Phương pháp khảo sát trên báo chí*: Phân tích nội dung chính sách ở các tin, bài trên 5 tờ báo: *báo Giáo dục và thời đại online, tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam, báo Dân Trí, báo Tuổi trẻ online, báo VnExpress* từ 7/2017 đến 12/2020.

(3) *Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi Anket*: Dùng phương pháp này để thu thập thông tin định lượng, đánh giá sự tiếp nhận, phản hồi của công chúng đối với chính sách về GDĐH được truyền thông. Có 2 bảng hỏi hướng đến 2 nhóm, đó là: nhóm (a): cán bộ quản lý, không quản lý, giảng viên, chuyên viên, nghiên cứu viên... đang công tác tại các cơ sở giáo dục đại học (gọi tắt là cán bộ viên chức và người lao động, viết tắt là CBVC&NLĐ) và nhóm (b): người học (viết tắt là NH). Địa bàn khảo sát: Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số lượng là: 550 phiếu (dành cho CBVC&NLĐ), 635 phiếu (dành cho người học). Thời gian khảo sát: 12/2022 đến 2/2023

(5) *Phương pháp phỏng vấn sâu (PVS)*: NCS tiến hành phỏng vấn sâu với 06 nhóm đối tượng, đó là: Cán bộ lãnh đạo tham gia xây dựng chính sách thuộc Bộ GD&ĐT; Chuyên gia trong lĩnh vực GDĐH; Phóng viên, nhà báo; Giảng viên; Đại diện đơn vị sử dụng lao động; Người học.

### **6.3. Phương pháp kỹ thuật xử lý thông tin**

Sử dụng phương pháp phân tích nội dung tác phẩm theo hướng định lượng, định tính. Từ đó, tổng hợp, đối chiếu, so sánh, bình luận, đánh giá để xử lý các dữ liệu, tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, luận án kết hợp nghiên cứu diễn giải, tập trung vào quan điểm, ý kiến được trình bày trong tác phẩm báo chí.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

### **7.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận án là tài liệu tham khảo có tính hệ thống cho những nhà nghiên cứu, giảng dạy và thực hành về truyền thông chính sách nói chung, góp phần mở ra hướng nghiên cứu về vai trò, hiệu quả của báo chí đối với truyền thông chính sách

### **7.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Luận án có thể giúp cho những nhà hoạch định chính sách nhìn nhận vai trò, chức năng của báo chí như là kênh truyền thông chính sách phù hợp tùy vào từng giai đoạn của quy trình chính sách. Luận án là cơ sở tham khảo cho những cơ quan báo chí trong việc truyền thông chính sách nói chung và mảng GDĐH nói riêng.

## **8. Điểm mới của luận án**

Về góc độ lý luận, luận án sử dụng các lý thuyết vào việc nghiên cứu nội dung, phương thức báo điện tử truyền thông chính sách về GDĐH, đánh giá hiệu quả của báo điện tử trong truyền thông chính sách về GDĐH là hướng đi còn ít nghiên cứu tại Việt Nam. Về tính thực tiễn, đây là công trình góp phần đánh giá và đề xuất giải pháp cho truyền thông chính sách về GDĐH, tiếp tục gợi mở giải pháp việc truyền thông chính sách nói chung.

## **9. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục hình ảnh, biểu đồ, danh mục chữ viết tắt, mục lục, phụ lục thì nội dung chính của luận án gồm 5 chương. Cụ thể như sau:



## **Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới**

#### **1.1.1. Các nghiên cứu về mối quan hệ giữa truyền thông và chính sách**

*Thứ nhất*, mối liên hệ giữa truyền thông và chính sách là ghi nhận ở nhiều nghiên cứu của các tác giả như Yanovitzky, Linsky, Edwards&Woods. *Thứ hai*, truyền thông tác động lên các nhà làm chính sách công. Vấn đề này cũng được các tác giả Yanovitzky, Linsky, Edwards&Woods, Weiss, Bybee & Comadena, Riffe chỉ rõ ở công trình nghiên cứu của mình. *Thứ ba*, truyền thông chính sách hỗ trợ các cơ quan nhà nước xây dựng thành công chính sách và giúp chính sách ngày càng hoàn thiện hơn. Các công trình nghiên cứu của Bennett và Entman, Sigrid Koch-Baumgarten, Katrin Voltmer, David Stromberg, Berelson, Lazarsfeld, McPhee, McCombs và Shaw, Anthony Downs,... đã khẳng định điều này. *Thứ tư*, truyền thông chính sách làm trung gian thực hiện các đánh giá chính sách và giám sát thực hiện chính sách. Qua các nghiên cứu của mình, Gruning, Liu,... đã chứng minh có mối quan hệ cộng sinh trong đó chính phủ phụ thuộc vào phương tiện truyền thông để đưa ra những thông tin quan trọng và ngược lại các phương tiện truyền thông xem chính phủ là nguồn tin. *Thứ năm*, truyền thông chính sách góp phần nâng cao tính dân chủ trong hoạt động của chính phủ. Các nghiên cứu của Meyer, Buurma, Bennett & Entman, Schnell, Gruning, Liu, Horsley cũng đã cho thấy truyền thông chính sách làm cơ sở trung gian đối thoại giữa chính phủ và các bên liên quan dựa trên sự đồng thuận. *Thứ sáu*, tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa truyền thông và chính sách, lại tồn tại vấn đề, đó là truyền thông chính sách dễ bị thao túng bởi các thế lực chính trị đối lập. Khái quát một số nghiên cứu của các tác giả như Meyer, Kang và các cộng sự, có thể thấy rằng, trong xã hội thiếu dân chủ, các chính sách dễ bị thao túng bởi các thế lực chi phối hệ thống chính trị. *Thứ bảy*, một số nghiên cứu lại tiếp tục mở rộng vấn đề nghiên cứu và đề nghị xem xét kỹ thêm về mối quan hệ giữa truyền thông và chính sách, rằng là có thể các yếu tố tác động khác đến chính sách như các vấn đề xã hội, sự tự nhận thức của nhà hoạch định chính sách. Trong đó phải kể đến các nguyên cứu của Yanovitzky, Fawzi, Oswald,...

#### **1.1.2. Các nghiên cứu về truyền thông chính sách đối với giáo dục trên báo chí**

Các nghiên cứu của West và cộng sự, Campanella, Coe và Kuttner Campanell, Goldstein & Beutel, hay Hass & Fischman, Gerstl-Pepin... đã chỉ ra báo chí vẫn chưa quan tâm nhiều đến lĩnh vực giáo

dục so với những lĩnh vực khác, việc đưa tin cần “chạm” đến các vấn đề nóng trong xã hội. Tuy nhiên, nội dung và cách thức đưa tin, truyền thông các vấn đề về giáo dục như thế nào thì các công trình trên vẫn chưa bàn luận chuyên sâu, do vậy, rất cần những công trình nghiên cứu bổ sung.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam**

### ***1.2.1. Các nghiên cứu về truyền thông chính sách và mối quan hệ giữa báo chí đối với truyền thông chính sách***

Cho đến nay có khá nhiều công trình nghiên cứu về truyền thông chính sách và mối quan hệ giữa báo chí với truyền thông chính sách. Tuỳ theo cách tiếp cận, các công trình đánh giá vai trò của truyền thông chính sách, đồng thời chỉ ra thực trạng truyền thông chính sách ở nước ta hiện nay. Điểm chung của các nghiên cứu đều cho rằng truyền thông chính sách là chức năng quan trọng của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Báo chí và các phương tiện truyền thông khác là kênh thông tin, phương thức cơ bản, quan trọng để thực hiện việc truyền thông chính sách. Đây cũng là cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu của luận án.

### ***1.2.2. Các nghiên cứu về truyền thông chính sách đối với giáo dục và giáo dục đại học***

Đối với các nguyên cứu về báo chí đối với giáo dục, chủ yếu là các Luận văn Thạc sĩ, đề tài cấp Bộ. Đối với các nghiên cứu về báo chí đối với GDĐH, có các công trình của Phạm Phụ, Lê Thị Kim Dung, ngoài ra còn có các Kỷ yếu Hội thảo. Có thể thấy hệ thống luận văn, kỷ yếu bàn về vấn đề giáo dục trên báo chí chiếm số lượng không nhỏ với cách tiếp cận, thời gian khảo sát... khác nhau. Tuy nhiên, chưa có đề tài nào nghiên cứu về truyền thông chính sách GDĐH trên báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng vừa chuyên sâu, vừa mang tính vĩ mô. Truyền thông chính sách về GDĐH trên báo chí vẫn là mảng “trống” cần tiếp tục được nghiên cứu.

## **1.3. Kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án**

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam liên quan đến đề tài nghiên cứu, tác giả Luận án rút ra một số kết luận sau:

*(1) Tổng quan về truyền thông chính sách và mối quan hệ giữa báo chí đối với truyền thông chính sách cho thấy: Có khá nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới và tại Việt Nam ở phương diện lý luận và*

thực tiễn bàn về truyền thông chính sách, mối quan hệ giữa báo chí đối với truyền thông chính sách. Các nghiên cứu cho thấy truyền thông chính sách có vai trò, ý nghĩa quan trọng, là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương,... trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị. Sự tham gia của báo chí vì mục tiêu chính trị, lợi ích của các đối tượng chính sách nhằm tạo ra sự đồng thuận trong xã hội, tập hợp được nhiều người đứng về phía chính sách, chính quyền, làm cho các nhóm đối tượng thống nhất từ nhận thức đến thái độ và hành vi.

(2) *Tổng quan nghiên cứu truyền thông chính sách về giáo dục trên báo chí cho thấy:* Trên thế giới và tại Việt Nam, các nghiên cứu tiếp cận trên nhiều bình diện khác nhau, được thực hiện dựa trên hệ thống các phương pháp nghiên cứu. Các nghiên cứu chỉ mới tập trung phân tích và đưa ra một số vấn đề liên quan đến việc phát hiện vấn đề, chưa làm rõ được thực trạng thông tin, phản ánh của báo chí về mảng đề tài này, do đó chưa đánh giá được một cách toàn diện, sâu sắc về truyền thông chính sách đối với mảng giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

(3) *Đánh giá về khoảng trống nghiên cứu và sự cần thiết, phù hợp của vấn đề nghiên cứu:* Nghiên cứu truyền thông chính sách giáo dục đại học trên báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng hiện nay còn những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu, đặc biệt là tại Việt Nam. Tính đến nay, chưa có công trình nghiên cứu nào đánh giá một cách toàn diện về truyền thông chính sách giáo dục đại học trên báo điện tử. Do đó, với những kết quả nghiên cứu của luận án này góp phần khẳng định tầm quan trọng của báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng đối với truyền thông chính sách giáo dục đại học.

Kế thừa kết quả của các công trình nghiên cứu đã công bố, căn cứ vào mục đích nghiên cứu đã xác định, luận án tiếp tục nghiên cứu về các vấn đề sau:

- + Xem xét cách báo chí tham gia truyền thông chính sách về GDĐH như thế nào, truyền thông nội dung gì đến cho công chúng;
- + Đánh giá xem quá trình truyền thông chính sách về GDĐH trên báo chí có sự tham gia phản biện xã hội như thế nào;
- + Đánh giá sự tiếp nhận của một số nhóm đối tượng công chúng đối với chính sách GDĐH được truyền thông qua báo chí;
- + Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách về GDĐH trên báo điện tử.

## **Tiểu kết chương 1**

### **Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

#### **2.1. Hệ thống khái niệm và nội dung liên quan đến đề tài**

##### **2.1.1. Truyền thông**

###### **2.1.1.1. Khái niệm**

Truyền thông chính là quá trình trao đổi, tương tác thông tin với nhau về các vấn đề của cá nhân, nhóm, xã hội từ đó tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, thay đổi nhận thức và điều chỉnh hành vi của cá nhân, nhóm và xã hội.

###### **2.1.1.2. Các yếu tố của quá trình truyền thông**

Truyền thông là một quá trình, trong đó bao gồm 6 yếu tố: *Nguồn, Thông điệp, Kênh truyền thông, Người nhận, Phản hồi/ Hiệu quả, Nhiễu*

##### **2.1.2. Chính sách**

###### **2.1.2.1. Khái niệm**

Chính sách công bao gồm các quyết định liên quan với nhau, do nhà nước ban hành, thể hiện các mục tiêu và giải pháp để giải quyết một vấn đề công nào đó.

###### **2.1.2.2. Vật mang chính sách**

Thông thường chính sách được thể hiện ở một dạng văn bản quy phạm quy luật nào đó như Luật, Nghị định, quyết định, nghị quyết, chỉ thị, thông tư... Ngoài ra, người ta còn sử dụng nhiều loại vật mang khác nhau như Các xuất bản phẩm, các phương tiện truyền thông, hình thức truyền thông nơi công cộng,...

###### **2.1.2.3. Quy trình chính sách**

Các quan điểm về quy trình chính sách có sự khác nhau tùy theo góc độ tiếp cận. Tuy nhiên, có ba giai đoạn chủ yếu trong quy trình chính sách, là: *Hoạch định chính sách công, Thực hiện chính sách, Đánh giá chính sách*

###### **2.1.2.4. Những chủ thể cơ bản của quy trình chính sách**

Quy trình chính sách luôn có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức và nhóm xã hội. Nhóm các tác giả Dương Xuân Ngọc, Lưu Văn An, Đỗ Đức Minh phân loại các nhóm chủ thể cơ bản của qua trình chính sách như sau: *Những người làm chính sách, Những người thực hiện chính sách, Những người hưởng lợi của chính sách.*

##### **2.1.3. Truyền thông chính sách**

###### **2.1.3.1. Khái niệm**

Truyền thông chính sách là quá trình chủ thể chính sách tiếp cận, kết nối công chúng thông qua các phương tiện truyền thông. Truyền thông chính sách giúp công chúng biết đến chính sách, kích thích nhu cầu tìm hiểu, tham gia góp ý, thảo luận chính sách, đồng tình, ủng hộ thực thi chính sách, tiến đến việc thay đổi hành vi.

Ở nước ta, báo chí truyền thông chính sách đóng vai trò rất quan trọng trong các hoạt động chính trị và thúc đẩy xã hội trở nên công bằng, dân chủ hơn. Với khả năng phản biện xã hội, tạo ra “không gian thảo luận công cộng”, báo chí góp phần tác động đến nhận thức chính trị của người dân Việt Nam, tìm kiếm sự ủng hộ, đồng thuận thực thi đối với những chính sách được truyền thông.

#### *2.1.3.2. Các yếu tố của truyền thông chính sách*

Truyền thông chính sách thường được tiếp cận ở ba bình diện: chủ thể truyền thông chính sách, phương tiện truyền thông chính sách và công chúng truyền thông chính sách. Truyền thông chính sách bao gồm nội dung thông tin, phương tiện truyền thông, phương pháp truyền thông, tần suất truyền thông, các yếu tố của quá trình truyền thông. Đây là các biến số quyết định đến chất lượng truyền thông chính sách. Theo Se-Hoon Jeong, 4 yếu tố cốt lõi của truyền thông chính sách là: nguồn thông tin, thông điệp, kênh truyền tải, người nhận. Tuy nhiên để quá trình truyền thông chính sách đạt hiệu quả, tiến đến sự đồng thuận xã hội thì còn có sự trao đổi, phản hồi qua lại giữa người tiếp nhận chính sách và chủ thể truyền thông chính sách.

#### *2.1.4. Chính sách giáo dục và giáo dục đại học*

Chính sách giáo dục được coi là hệ thống các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước đưa ra liên quan về giáo dục, trên cơ sở đó đề ra các phương hướng, giải pháp nhằm mục đích để thực hiện các mục tiêu đã đề ra theo các giai đoạn nhất định. Việt Nam đặt chính sách giáo dục lên hàng đầu, có sự đầu tư lớn cho nền giáo dục, trong đó có GDĐH. GDĐH là một trong các trình độ đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được quy định trong Luật Giáo dục năm 2019. GDĐH ở nước ta hiện nay bao gồm trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. GDĐH góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người, phát triển kinh tế, ổn định chính trị xã hội.

Để đạt được mục tiêu của GDĐH, các chính sách lớn không ngừng được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước thông qua các quan điểm chỉ đạo và chủ trương đối mới giáo dục trong các văn kiện của Đảng. Đến nay, các chính sách này

được thể hiện cụ thể ở Luật Giáo dục đại học, Nghị định, Thông tư,... Ngày 21/3/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị số 7/CT-TTg về việc tăng cường truyền thông chính sách. Chỉ thị nêu rõ ‘Truyền thông chính sách là một nhiệm vụ, một chức năng quan trọng của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Báo chí và các loại hình truyền thông khác là kênh thông tin, là phương thức cơ bản, quan trọng để thực hiện việc truyền thông chính sách’.

### **2.1.5. Báo điện tử**

#### **2.1.5.1. Khái niệm**

Thuật ngữ báo điện tử được giải thích trong Luật Báo chí năm 2016 như sau: “Báo điện tử là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, hình ảnh, âm thanh, được truyền dẫn trên môi trường mạng, gồm báo điện tử và tạp chí điện tử”.

#### **2.1.5.2. Đặc điểm của báo điện tử**

Bao gồm: *Tính đa phương tiện, Tính cập nhật và phi định kỳ, Tính tương tác cao, Khả năng lưu trữ, tìm kiếm thông tin dễ dàng, Khả năng kết nối thông tin lớn.*

## **2.2. Các lý thuyết tiếp cận nghiên cứu**

### **2.2.1. Lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự**

*Lý thuyết thiết lập chương trình nghị sự* (Agenda setting Theory) được đề xướng bởi Max McCombs và Donald Shaw. Nội dung cốt lõi của lý thuyết được khái quát: Nếu các phương tiện truyền thông đại chúng tập trung vào sự kiện, hiện tượng bất kỳ, nhất thời nó sẽ làm cho công chúng nhớ, dần dần, chính sự lặp đi lặp lại thường xuyên của thông tin khiến sự kiện đó trở thành điều mà họ chú ý. Sử dụng lý thuyết này, luận án tìm hiểu: *Thứ nhất*, chính sách về GDĐH nào được đưa vào chương trình nghị sự, nội dung nào được báo chí làm nổi bật. Để làm rõ vấn đề nghiên cứu trên, NCS phân tích nội dung chính sách về GDĐH được đăng tải trên báo điện tử. *Thứ hai*, NCS đánh giá tác động của báo điện tử đến các nhóm đối tượng tiếp nhận thông tin chính sách GDĐH mà giới truyền thông đã “thiết lập” trên mặt báo. Từ đó, NCS vận dụng để đo lường ảnh hưởng của báo chí đối với các nhóm đối tượng tiếp nhận về chính sách về GDĐH.

### **2.2.2. Lý thuyết Đóng khung**

Lý thuyết đóng khung (Framing Theory) được Erving Goffman- nhà tâm lý xã hội học người Mỹ gốc Canada đề xuất vào năm 1974, nhằm mục đích giải thích tại sao mọi người tập trung sự chú ý của họ vào một số khía cạnh của thực tế mà không phải là khía cạnh khác. Bằng việc chọn thông tin

này mà không lựa chọn thông tin khác, sau đó làm cho chúng trở nên nổi bật hơn qua cách đưa tin, dần dần truyền thông đã hình thành trong tâm trí người xem nhận thức về một vấn đề nào đó. Vận dụng nội dung của lý thuyết này, luận án nghiên cứu: *Thứ nhất*, báo điện tử thực hiện việc “đóng khung” thông tin chính sách về GDĐH ở những khía cạnh nội dung nào. *Thứ hai*, các yếu tố nào ảnh hưởng đến việc đóng khung của báo chí về chính sách về GDĐH.

### **2.2.3. Lý thuyết Sử dụng và hài lòng**

Những nghiên cứu về lý thuyết “Sử dụng và hài lòng” bắt đầu từ thập kỷ 40 của thế kỷ XX ở Mỹ, xuất phát từ góc độ công chúng, thông qua phân tích động cơ tiếp xúc với phương tiện truyền thông của công chúng. Từ lý thuyết này, NCS tiến hành việc khảo sát công chúng để: *Thứ nhất*, chỉ ra công chúng tìm hiểu về chính sách về GDĐH như thế nào? Các phương tiện nào được công chúng quan tâm và tin tưởng khi muốn biết về chính sách về GDĐH, đồng thời xem xét công chúng đã “hài lòng” với những thông tin về chính sách GDĐH mà báo chí truyền thông hay chưa. *Thứ hai*, trên cơ sở đánh giá mức độ “sử dụng và hài lòng” của một số nhóm đối tượng công chúng, NCS đề xuất giải pháp đối với báo chí khi truyền thông chính sách GDĐH.

### **2.3. Chức năng phản biện xã hội**

Dù quan niệm về phản biện xã hội có khác nhau, nhưng những cách hiểu trên có một điểm chung đó là: Phản biện là sự đánh giá dựa trên lập luận chặt chẽ, có cơ sở khoa học rõ ràng; Phản biện là việc đưa ra ý kiến đối với những vấn đề, sự kiện trong cuộc sống, nhằm làm cho chúng trở nên đúng đắn, và phù hợp hơn; Phản biện phải được xây dựng trên tinh thần góp ý tích cực, mục đích cuối cùng là để góp ý, xây dựng, hoàn thiện cái chưa tốt, cái chưa đúng.

Vận dụng nội dung của chức năng này vào việc nghiên cứu, tác giả luận án thực hiện: *Thứ nhất*, khảo sát tần suất tham gia phản biện chính sách về GDĐH của các nhóm đối tượng. *Thứ hai*, xem xét các nội dung chính sách được phản biện và đánh giá chất lượng phản biện chính sách trên các báo điện tử.

## **2.4. Cơ sở thực tiễn và pháp lý về truyền thông chính sách giáo dục đại học ở Việt Nam**

### **2.4.1. Quan điểm của Đảng về giáo dục và giáo dục đại học**

Đảng và nhà nước ta luôn coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, trong đó GDĐH cũng dành được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội. Nghị quyết số 29-NQ/TW “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐH Việt Nam. Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã thể hiện quan điểm phát triển GDĐH. Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học hiện hành như Luật GDĐH, Luật GDĐH sửa đổi và các các văn bản hướng dẫn kèm theo cũng đã thể hoá quan điểm đổi mới, toàn diện GDĐH.

#### **2.4.2. Chính sách của Nhà nước về giáo dục đại học**

Luận án lựa chọn một số chính sách sau:

2.4.2.1. Chính sách về Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, phân tầng và xếp hạng đại học

2.4.2.2. Chính sách Tự chủ và quản trị tự chủ đại học

2.4.2.3. Chính sách về Phát triển khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế

2.4.2.4. Chính sách liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học và đơn vị sử dụng lao động

2.4.2.5. Chính sách về Kiểm định chất lượng giáo dục đại học

2.4.2.6. Chính sách về Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

2.4.2.7. Chính sách dành cho người học

#### **2.5. Vai trò của báo chí đối với truyền thông chính sách và chính sách về giáo dục đại học**

Quan điểm của Đảng về truyền thông chính sách trên báo chí đã được nêu trong Luật Báo Chí 2016 :“Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của Nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Báo chí góp phần đưa hơi thở cuộc sống đến các chương trình nghị sự của Đảng và Nhà nước, từ đó hình thành những chính sách, nhằm giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong xã hội.

#### **Tiểu kết chương 2**



### **Chương 3. THỰC TRẠNG TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

#### **3.1. Thống kê và phân loại một số chính sách về giáo dục đại học được truyền thông trên báo điện tử**

##### **3.1.1. Tần suất truyền thông chính sách về giáo dục đại học trên các báo được khảo sát**

Khảo sát ở 5 tờ báo gồm: Giáo dục và Thời đại online (GDTĐO), tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam (GDVN), Tuổi Trẻ online (TTO), báo Dân Trí và báo VnExpress (VnE) từ 2017-2020, chúng tôi tổng hợp là 1173 tin, bài truyền thông về GDĐH. Trong đó: số tác phẩm ở các báo là như sau: báo GDTĐO (365), tạp chí điện tử GDVN (247) báo Dân Trí (170), báo TTO (205) và báo VnE (186)

Truyền thông chính sách về GDĐH là vấn đề rất rộng. Nghiên cứu chỉ chọn 07 chính sách nổi bật, có tính chất đại diện cho những vấn đề cốt lõi của GDĐH. Có những tin, bài không chỉ phản ánh nội dung của một chính sách, một tác phẩm có thể bàn luận nhiều chính sách. Trong 07 chính sách, chính sách *Tự chủ đại học* và *quản trị tự chủ đại học* được đăng tải nhiều nhất ở tất cả các báo.

Nhìn chung trong 7 chính sách, các báo GDTĐO, Dân Trí, GDVN có xu hướng đăng tải nội dung chính về chính sách Tự chủ đại học và chính sách Quy hoạch MLCSGDĐH là nhiều. Các chính sách về phát triển khoa học, hợp tác quốc tế, liên kết giữa cơ sở GDĐH với doanh nghiệp, kiểm định chất lượng, chính sách về phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có tỉ lệ khá đồng đều giữa các báo. Đáng chú ý, 3 báo TTO, VnE và GDVN quan tâm đến chính sách dành cho người học nhiều hơn 2 báo Dân trí và GDTĐO. Các số liệu cho thấy, báo GDTĐO luôn có tỉ lệ dẫn đầu về việc đăng tin các CS2, CS3, CS4, CS5, CS6, nhưng lại có tỉ lệ thấp nhất đối với việc đăng tin chính sách dành cho người học (CS7). Tỉ lệ đăng nội dung về chính sách Quy hoạch MLCSGDĐH, phân tầng và xếp hạng ĐH cũng chỉ đứng ở vị trí thứ 3.

##### **3.1.2. Sự tham gia của các nhóm đối tượng trong quy trình chính sách được phản ánh trên các báo điện tử**

###### **3.1.2.1. Tần suất tham gia của các nhóm đối tượng trong quy trình chính sách**

Chúng tôi phân loại thành 4 nhóm đối tượng chính sau đây, cách phân loại này cũng chỉ mang tính chất tương đối: (1) Nhóm cán bộ đề nghị xây dựng chính sách, nhà hoạch định và quyết định chính sách, (2) Nhóm những chuyên gia, nhà khoa học (3) Nhà báo, (4) Nhóm những

đối tượng khác

Khảo sát 04 nhóm chủ thể phản biện trên 5 tờ báo cho thấy: Chủ thể phản biện thường là các chuyên gia về giáo dục, các cán bộ quản lý (chẳng hạn như các đại biểu Quốc hội; cán bộ thuộc các Bộ, Ban, Ngành; cán bộ thuộc sở, Phòng Giáo dục ở các địa phương,...), các lãnh đạo của Đại học, trường đại học, Viện,... Các đối tượng khác cũng quan tâm như học sinh, sinh viên, phụ huynh, giáo viên, đại diện các doanh nghiệp,... Bên cạnh đó, nhóm chủ thể không thể thiếu là các nhà báo, phóng viên là những người viết về mảng giáo dục.

Nhóm chủ thể *Nhà báo* xuất hiện nhiều, có 1003 lượt xuất hiện. Tiếp sau đó là nhóm chủ thể *Chuyên gia, nhà khoa học* với 899 lượt xuất hiện trên các tin, bài. Tiếp đến là nhóm chủ thể phản biện *Cán bộ đề nghị xây dựng chính sách, nhà hoạch định và quyết định chính sách* với 374 lượt xuất hiện trên các tin, bài. Cuối cùng là nhóm chủ thể *Các đối tượng khác* với số lần xuất hiện trên các tin, bài rất ít nhất là 113 lượt. Ngoài 04 nhóm trên, ý kiến độc giả, ý kiến phản hồi (comment) cũng là nội dung đáng chú ý. Đây là cơ sở tham khảo cho những nhà soạn thảo chính sách. Có sự chênh lệch là khá rõ về định lượng phản hồi của công chúng ở 5 tờ báo. Theo đó, tạp chí GDVN có ý kiến phản hồi nhiều nhất, tiếp đến là báo VnExpress, sau đó là báo Dân Trí và cuối cùng là báo Tuổi Trẻ online. Do số lượng comment khá lớn nên trong phạm vi luận án này chúng tôi chưa thể khảo sát cụ thể nội dung của từng phản hồi ở mỗi tin bài. Tuy nhiên, theo quan sát, chỉ có báo GDTĐO là không có comment, còn lại ở các báo GDVN, TTO, VNE, Dân trí ý kiến bình luận trái chiều ở một số vấn đề chính sách. Nội dung này sẽ được trình bày lồng ghép ở phần nội dung phản biện từng chính sách.

### 3.1.2.2. Tần suất ý kiến của các nhóm đối tượng trong quy trình chính sách

Luận án phân loại và mã hoá 04 chủ thể như sau: CT1- Nhóm cán bộ đề nghị xây dựng chính sách, nhà hoạch định và quyết định chính sách; CT2- Chuyên gia, nhà khoa học; CT3- Nhà báo; CT4- Các đối tượng khác.

Có tổng số 3282 ý kiến phản biện, bao gồm ý kiến chỉ đạo/thông báo, nhận định/phân tích, giải thích/phản hồi, góp ý/đề xuất, đồng tình, không đồng tình, chỉ thông tin/ trung lập ý kiến. Một số người thể hiện nhiều quan điểm khác nhau, gồm không chỉ đồng tình/không đồng tình và góp ý, đề xuất. Chẳng hạn, những nhà hoạch định chính sách, họ

không chỉ chỉ đạo, thông báo chính sách mà còn phân tích, giải trình, đề xuất chính sách. Vì vậy, CT1 với 374 lần xuất hiện thì thể hiện 655 ý kiến. CT2 với 899 lần xuất hiện thì thể hiện 1403 ý kiến. CT3 với 1003 lần xuất hiện thì thể hiện 1096 ý kiến. CT4 với 113 lần xuất hiện thì thể hiện 128 ý kiến.

### **3.2. Báo điện tử thiết lập chương trình nghị sự về chính sách giáo dục đại học**

Trong 07 chính sách cốt lõi, trọng tâm mang tầm vĩ mô, các báo đã tập trung một số tiêu điểm của chính sách giáo dục đại học. Một số nội dung, thông điệp mà các báo “lựa chọn”, làm nổi bật để hướng sự chú ý của công chúng như sau:

3.2.1. *Thông tin về vấn đề MLCSGDĐH*

3.2.2. *Thông tin về quan điểm phân tầng đại học là cần thiết*

3.2.3. *Thông tin về tầm quan trọng của việc xếp hạng đại học*

3.2.4. *Thông tin về chủ trương tự chủ đại học và quá trình thực hiện tự chủ đại học, quản trị tự chủ đại học*

3.2.5. *Thông tin về tầm quan trọng của công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế ở các cơ sở GDĐH*

3.2.6. *Thông tin về sự liên kết giữa cơ sở GDĐH với đơn vị sử dụng lao động*

3.2.7. *Thông tin về tầm quan trọng của kiểm định GDĐH*

3.2.8. *Thông tin về việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý*

3.2.9. *Thông tin về việc thay thế chính sách miễn học phí cho sinh viên sư phạm bằng chính sách tín dụng*

### **3.3. Báo điện tử phản biện xã hội về chính sách giáo dục đại học**

Các nội dung mà báo điện tử tham gia phản biện xã hội như sau:

3.3.1. *Quan điểm trái chiều về mô hình đại học ở Việt Nam*

3.3.2. *Đề nghị xem xét mối quan hệ giữa cơ quan chủ quản đối với cơ sở GDĐH*

3.3.3. *Đề nghị xem xét mối quan hệ 3 bên giữa Đảng uỷ- Ban giám hiệu- Hội đồng trường*

3.3.4. *Nguyên nhân của việc chưa đầu tư phát triển nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế*

3.3.5. *Đề nghị xem xét quá trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục đại học*

3.3.6. *Lý giải nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giảng viên*

3.3.7. *Đề nghị xem xét tiêu chuẩn của Giáo sư, Phó giáo sư*

3.3.8. *Quan điểm trái chiều về chính sách miễn học phí cho sinh viên ngành sư phạm và chính sách hỗ trợ vay tín dụng cho sinh viên ngành sư phạm*

### **3.4. Báo điện tử đề xuất giải pháp, khuyến nghị, tạo sự đồng thuận xã hội về việc thực thi chính sách giáo dục đại học**

Các giải pháp, khuyến nghị mà báo điện tử đặt ra nhằm tạo sự đồng thuận xã hội về thực thi chính sách giáo dục đại học như sau:

3.4.1. *Sắp xếp các trường đại học theo hướng sáp nhập, giải thể*

3.4.2. *Cơ sở GDĐH nên lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp và tham gia bảng xếp hạng quốc tế*

3.4.3. *Cơ sở GDĐH phải chú trọng tự chủ chuyên môn, học thuật thay vì đề cao tự chủ tài chính*

3.4.4. *Cơ sở GDĐH tự chủ phải gắn với trách nhiệm giải trình*

3.4.5. *Giải pháp cho việc phát triển nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế*

3.4.6. *Giải pháp tăng hiệu quả liên kết giữa cơ sở GDĐH và đơn vị sử dụng lao động*

3.4.7. *Giải pháp nâng cao công tác kiểm định chất lượng*

3.4.8. *Giải pháp nâng chuẩn giảng viên đại học, cán bộ quản lý*

3.4.9. *Vận động thực thi chính sách cho sinh viên ngành sư phạm*

### **3.5. Hình thức chuyển tải của báo điện tử đối với truyền thông chính sách về giáo dục đại học**

#### **3.5.1. Hệ thống các chuyên trang, chuyên mục**

**Báo Giáo dục và Thời đại online:** Trang *Giáo dục* có 04 mục là “Chính sách”, “Địa phương”, “Đào tạo-Tuyển sinh”, “Bốn phương”, “Chuyển động”. Ở tờ báo này, trang *Giáo dục* nằm ở vị trí đầu tiên. **Tạp chí điện tử Giáo dục Việt Nam:** Đa số tác phẩm báo chí về chính sách giáo dục đại học đều đặt ở trang *Giáo dục 24h*. Trang này nằm ở vị trí đầu tiên. Tạp chí GDVN có các trang: *Giáo dục 24h*, *Tiêu điểm*, *Góc nhìn*, *Du học*, *Sức khỏe học đường*, *Văn hoá*, *Kinh tế*. Các tin, bài về chính sách GDĐH chủ yếu nằm ở trang *Giáo dục 24h*, một số nằm ở trang *Góc nhìn*, *Tiêu điểm*. **Báo Dân trí:** Trang *Giáo dục- Hướng nghiệp* hoặc *Giáo dục* có 05 mục là “Góc phụ huynh”, “Khuyến học”, “Gương sáng”, “Giáo dục- Nghề nghiệp”, “Du học”, “Tuyển sinh”. Các tin, bài nằm chủ yếu ở mục *Khuyến học*, *Giáo dục-Nghề nghiệp*. Vị trí của trang *Giáo dục* trên báo *Dân trí* nằm gần cuối. **Báo Tuổi trẻ online:** Trang *Giáo dục* có mục “Tuyển sinh”, “Nhịp sống học đường”, “Chân dung nhà giáo” “Du học” “Câu chuyện giáo dục” . Báo *Tuổi trẻ online*

có 17 trang, *Giáo dục* nằm ở vị trí thứ 13. Các tin, bài về GDĐH nằm ở một số trang, không riêng ở trang “Giáo dục”. Ngoài ra có nhiều bài viết ở mục *Cần biết* ở thanh menu trên cùng. **Báo VnExpress**: Trang *Giáo dục* có các mục “Tin tức”, “Tuyển sinh”, “Chân dung”, “Du học”, “Học tiếng Anh”, “Trắc nghiệm”, “Giáo dục 4.0”. Trang *Giáo dục* nằm ở vị trí ở thứ 11.

### **3.5.2. Hình thức thể loại tin bài về chính sách giáo dục đại học**

Phần lớn các bài báo viết về đề tài này thường sử dụng các thể loại thông tấn như tin, phản ánh, bài phỏng vấn, bài bình luận, bài PR

*Thứ nhất*, có sự chênh lệch khá lớn về số lượng tin, bài xét ở góc độ thể loại, trong đó chủ yếu vẫn là những bài thuộc dạng thông tấn báo chí (tin, bài phản ánh, phỏng vấn), trong khi đó bài bình luận (thuộc nhóm chính luận báo chí) - dạng bài rất cần cho việc phân tích, bình luận, đánh giá chính sách thì vẫn còn ít. *Thứ hai*, các báo đã bám sát diễn biến, có những ngày cao điểm với tần suất từ 2-3 tin, bài/ngày về một vấn đề. *Thứ ba*, có sự liên kết, sắp xếp chặt chẽ giữa các tin, bài. Các tin, bài được đăng tải xen nhau, liên kết trong một mạch thống nhất chứ không tách rời nhau. *Thứ tư*, đối với những “vấn đề chính sách” thì có bài phản ánh, bài bình luận. Đối với việc thông tin về điểm mới, thay đổi chính sách thì có tin, bài phản ánh, bài phỏng vấn.

### **3.5.3. Về các yếu tố đa phương tiện trong tác phẩm báo chí**

*Thứ nhất*, trên các tờ báo vẫn chủ yếu ở dạng bài kèm ảnh hoặc bài kèm box dữ liệu. Hai yếu tố được sử dụng vẫn phổ biến là chữ viết và hình ảnh tĩnh. *Thứ hai*, các yếu tố như video, audio, infographic,... mặc dù đã được các báo sử dụng hợp lý, tuy nhiên lại chưa được phát huy và sử dụng nhiều.

## **Tiểu kết chương 3**

## **Chương 4. PHẢN HỒI CỦA MỘT SỐ NHÓM ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN ĐỐI VỚI TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

### **4.1. Mô tả thông tin đối tượng khảo sát**

#### **4.1.1. Đối với cán bộ viên chức và người lao động**

Số lượng phiếu khảo sát là: 550 người (bao gồm các cơ sở giáo dục đại học ở Hà Nội, Huế và t.p Hồ Chí Minh). Cụ thể: Hà Nội (199 người), Huế (174 người) và t.p Hồ Chí Minh (196 người) và có 08 phiếu ngoài địa bàn khảo sát. Về giới tính: nữ là 306 người (tỉ lệ 56%), nam là 244 người (tỉ lệ 44%). Về trình độ chuyên môn: Đại học là 97

người (chiếm 18%), Thạc sĩ là 285 người (tỉ lệ 52%), Tiến sĩ là 168 người (tỉ lệ 30%). Về chức danh nghề nghiệp, kết quả khảo sát có 2 nhóm chính như sau: Giảng viên gồm 378 người (tỉ lệ 69%); Chuyên viên, nghiên cứu viên: 172 người (tỉ lệ 31%) Tỷ lệ CBVC&NLĐ tham gia quản lý/ không quản lý như sau: Cán bộ quản lý là 169 người (tỉ lệ 31%); Cán bộ không quản lý là 381 người (tỉ lệ 69%). Về loại hình cơ sở GDĐH: gồm công lập: 396 người, tỉ lệ 72%, ngoài công lập: là 154 người, tỉ lệ 28%.

#### **4.1.2. Đối với người học**

Số lượng phiếu khảo sát là : 635 phiếu, bao gồm sinh viên, học viên sau đại học ở các trường đại học tại Hà Nội (215 phiếu, tỉ lệ 34%), Huế (180 phiếu, tỉ lệ 28%) và t.p Hồ Chí Minh (240 phiếu, tỉ lệ 38%). Về giới tính: Nữ bao gồm 434 người, tỉ lệ 68%; Nam: 201 người, tỉ lệ 32%. Về đối tượng: Sinh viên là 604 người, tỉ lệ 95%; Học viên sau đại học là 31 người, tỉ lệ 5%. Về loại hình trường bao gồm: trường công lập là 527 người (tỉ lệ 83%), ngoài công lập là 108 người (tỉ lệ 17%)

### **4.2. Sự tiếp nhận của một số nhóm đối tượng đối với chính sách về giáo dục đại học**

#### **4.2.1. Đối với cán bộ viên chức và người lao động**

*Thứ nhất*, CBVC&NLĐ tiếp nhận thông tin về chính sách GDĐH qua nhiều kênh, trong đó chủ yếu là Báo điện tử và Mạng xã hội. Ngoài ra, CBVC&NLĐ còn tiếp nhận chính sách GDĐH qua các Trang thông tin điện tử tổng hợp và Bản tin nội, văn bản được phát hành trong đơn vị. *Thứ hai*, CBVC&NLĐ theo dõi chính sách về GDĐH ở nhiều tờ báo điện tử, nhưng mức độ hàng ngày thì không nhiều. *Thứ ba*, CBVC&NLĐ có quan tâm đến các chính sách giáo dục đại học, nhưng ở mức độ trung bình.

#### **4.2.2. Đối với người học**

*Thứ nhất*, người học (NH) tiếp nhận thông tin chính sách về GDĐH qua nhiều kênh, trong đó chủ yếu là mạng xã hội. *Thứ hai*, NH có theo dõi thông tin về chính sách về GDĐH ở nhiều tờ báo điện tử, tuy nhiên mức độ đọc hàng ngày là không nhiều. *Thứ ba*, NH *quan tâm rất nhiều hoặc quan tâm khá nhiều* đến chính sách dành người học

### **4.3. Phản hồi của một số nhóm đối tượng đối với chính sách về giáo dục đại học được truyền thông**

#### **4.3.1. Đối với cán bộ viên chức và người lao động**

*Thứ nhất*, về hướng sắp xếp, quy hoạch MLCSGDĐH, hơn 80% CBVC&NLĐ có xu hướng *đồng ý* với việc giải thể các trường kém chất lượng, hoặc không có khả năng duy trì. Về việc xếp hạng, có

khoảng trên dưới 90% CBVC&NLĐ đồng ý (bao gồm đồng ý và hoàn toàn đồng ý) về việc các mục đích của xếp hạng. Thứ hai, các đối tượng khảo sát đều ghi nhận các cơ sở GDĐH đều chú trọng các nội dung của Tự chủ đại học. Có khoảng trên dưới 80% ý kiến đồng ý (bao gồm hoàn toàn đồng ý và đồng ý) với những kết quả tích cực hiện nay do chính sách tự chủ mang lại cho các trường khi thực hiện tự chủ đại học. Tuy nhiên, cũng có khoảng trên dưới 75% ý kiến đồng ý những hạn chế, những vấn đề lớn chưa giải quyết được khi các trường thực hiện tự chủ đại học. Thứ ba, ý kiến về thời gian dành cho nhiệm vụ NCKH trong tổng quỹ thời gian làm việc của năm học: 52% CBVC&NLĐ cho rằng cần dành hơn 1/3; 35% cán bộ cho rằng dành 1/3; 13% CB cho rằng dành ít hơn 1/3. Thứ tư, đối với hoạt động của vấn đề thực tiễn liên kết giữa cơ sở GDĐH với đơn vị sử dụng lao động, nhà tuyển dụng lao động, khoảng 29%-41% ý kiến nhận định tốt, 38% - 47% ý kiến nhận định là bình thường. Thứ năm, về vấn đề kiểm định chất lượng GDĐH, dao động từ 68% -87% ý kiến đồng ý (bao gồm đồng ý và hoàn toàn đồng ý) về các mục đích của kiểm định chất lượng. Thứ sáu, trên dưới 90% CBVC&NLĐ đồng ý (bao gồm đồng ý và hoàn toàn đồng ý) về các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và giảng viên.

#### **4.3.2. Đối với người học**

Thứ nhất, hầu hết NH đều nhận định các vấn đề như chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học và công nghệ, chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất/ học liệu, uy tín quốc tế, uy tín trong nước, tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp và phát triển nghề nghiệp, quản trị đại học là rất quan trọng. Thứ hai, NH có đánh giá tích cực về thực tiễn của việc liên kết đào tạo giữa cơ sở GDĐH với nhà tuyển dụng, doanh nghiệp. Thứ ba, NH đánh giá hiện nay các cơ sở GDĐH chú trọng/ rất chú trọng đến các nội dung của tự chủ đại học Thứ tư, các cơ sở tự chủ đại học phải gắn liền với “trách nhiệm giải trình” với người học, xã hội. Dao động 30%-38% đồng ý, 44%-57% hoàn toàn đồng ý điều này.

#### **4.4. Đánh giá của một số nhóm đối tượng liên quan về việc báo điện tử truyền thông chính sách giáo dục đại học**

##### **4.4.1. Về ưu điểm**

+Các nhóm đối tượng ghi nhận sự đóng góp của báo điện tử đối với truyền thông chính sách về giáo dục đại học

+Các nhóm đối tượng liên quan tương đối hài lòng về cách thức đưa

*thông tin chính sách giáo dục đại học trên báo điện tử*

+ Các nhóm đối tượng liên quan khá tin tưởng ý kiến của các chủ thể chính sách được thể hiện trên báo điện tử khi phản biện về chính sách giáo dục đại học

#### **4.4.2. Về hạn chế**

+ Việc đăng tin, truyền thông chính sách GDDH vẫn còn mang tính “thời vụ”.

+ Việc báo chí “chọn lọc”, biên tập ý kiến của chuyên gia và “đóng khung” thông tin đôi khi làm giảm tính phản biện xã hội về chính sách giáo dục đại học

#### **Tiểu kết chương 4**

### **Chương 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ**

**5.1. Một số thành công và hạn chế về truyền thông chính sách giáo dục đại học trên báo điện tử ở Việt Nam hiện nay**

#### **5.1.1. Về thành công**

+ Báo điện tử thông tin nhanh các điểm mới, nội dung chính và hướng sự chú ý của công chúng đến chính sách quan trọng của giáo dục đại học

+ Có sự dịch chuyển từ “tuyên truyền” sang truyền thông chính sách thông qua quá trình thảo luận, phản biện, đối thoại chính sách trên “không gian công” báo chí

+ Sử dụng một số thể loại và tính năng đa phương tiện của báo điện tử để truyền thông chính sách

+ Công chúng có những phản hồi, đánh giá tương đối tốt về việc báo chí tham gia truyền thông chính sách giáo dục đại học

#### **5.1.2. Về hạn chế**

+ Nội dung thông tin chính sách GDDH trên các báo mang tính “đồng dạng, cách thức chuyển tải vẫn mang tính “minh họa” chính sách

+ Hình thức tác phẩm còn đơn điệu, chưa phát huy hết đặc điểm của tác phẩm báo chí điện tử

+ Chủ thể tham gia thảo luận trên báo điện tử chủ yếu vẫn là các nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia, nhà khoa học

+ Công chúng có biết đến chính sách GDDH nhưng sự quan tâm ở mức độ tương đối, đồng thời mức độ hài lòng đối báo chí trong truyền thông chính sách là chưa cao



## **5.2. Những vấn đề đặt ra từ việc nghiên cứu**

### **5.2.1. Sự cần thiết của báo điện tử tham gia vào toàn bộ quy trình chính sách**

*Thứ nhất*, sự tham gia truyền thông về chính sách GDĐH không phải đợi đến khi ban hành chính sách, mà ngay từ giai đoạn đầu hình thành, nêu ý tưởng vấn đề chính sách GDĐH đến thiết kế và thông qua chính sách. *Thứ hai*, truyền thông chính sách không phải đợi đến khi “có vấn đề” xảy ra thì báo điện tử mới đưa tin.

### **5.2.2. Báo điện tử bị cạnh tranh bởi mạng xã hội và các kênh truyền thông chính sách khác**

Trong bối cảnh cạnh tranh của mạng xã hội và các phương tiện khác, các loại hình báo chí không còn giữ vị trí “độc tôn” trong truyền thông chính sách.

### **5.2.3. Thông tin về chính sách giáo dục đại học có tính nghiêm túc, khó hấp dẫn bạn đọc**

*Thứ nhất*, thông tin về chính sách có tính nghiêm túc, quy chuẩn, có tính thẩm quyền, thậm chí khô khan, trong một số trường hợp còn khó hiểu. *Thứ hai*, công chúng tiếp nhận về chính sách về GDĐH phải là những người có trình độ nhận thức, ít nhất có trình độ từ đại học trở lên mới có thể hiểu được nội dung chính sách.

### **5.2.4. Báo điện tử chưa phát huy thế mạnh để tạo “không gian công” cho truyền thông chính sách**

*Thứ nhất*, tiếng nói của báo chí khi truyền thông chính sách vẫn bị chi phối bởi một số nguồn tin của các cơ quan chức năng. Về mặt tổng thể, các báo chuyên tải thông tin là chủ yếu, nhiều bài viết vẫn chỉ ở mức “tuyên truyền”, thông báo chính sách. Tính chất phản biện xã hội và tranh luận trên báo điện tử vẫn còn có sự “dè dặt”. *Thứ hai*, chưa thật sự tồn tại “không gian công” cởi mở, công khai tập hợp nhiều ý kiến của đa chiều của các đối tượng trực tiếp thực thi chính sách GDĐH trên các báo được khảo sát. Thậm chí, các ý kiến được trích dẫn phỏng vấn trong các bài viết chủ yếu là các chuyên gia, cán bộ quản lý, người lãnh đạo ở cấp Bộ, Ngành. Tiếng nói đại diện của các cơ sở GDĐH, giảng viên, người học, phụ huynh,... xuất hiện không nhiều trên các báo. *Thứ ba*, việc truyền thông chính sách vẫn theo mô típ và cách thức truyền thống, ít tính đột phá cả về nội dung lẫn hình thức.

## **5.3. Giải pháp để nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách về giáo dục đại học trên báo điện tử**

### **5.3.1. Giải pháp đối với chủ thể truyền thông**

+ *Đa dạng hoá và phối hợp các nguồn tin*

Cần phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với báo chí.

Nên có “hệ sinh thái” gồm các bên liên quan, những người xây dựng chính sách, chuyên gia, nhà báo.

*+Nâng cao năng lực truyền thông của cơ quan báo chí, nhà báo*

*Thứ nhất*, phải xác định mục đích, tỉ trọng các mục đích đăng tải rõ ràng ở từng thời điểm.*Thứ hai*, phải biết rõ các nhóm chủ thể liên quan đến quy trình chính sách để đăng tải ý kiến phù hợp trong từng giai đoạn. *Thứ ba*, phải chú trọng *đưa tin đúng*. *Thứ tư*, cần phải có những nhà báo “có chất lượng”.

*+Nâng cao năng lực thu hút sự tham gia của công chúng*

Truyền thông chính sách nếu có sự tham gia của công chúng ngày càng đông thì hiệu quả càng cao. Sự tham gia này chủ yếu là tham góp ý kiến, bình luận, phản biện. Báo chí phải tập hợp được các ý kiến của các chủ thể.

### **5.3.2. Giải pháp về nội dung và phương thức truyền thông**

*+Chú trọng nội dung, thông điệp truyền thông trên báo chí*

Nâng cao chất lượng các bài viết bằng việc ưu tiên tính “đúng”, “đa chiều”, “minh bạch” và “độc lập” ý kiến trong cách đưa tin. Nên: trích nguồn từ văn bản đã được ban hành; có những tuyến đề tài dài hơi; chuyên tải những thông tin chính sách sao cho dễ hiểu; phải dựa vào cơ sở dữ liệu, viết phải có dẫn chứng cụ thể; cân đối, hài hòa giữa mục đích câu like, giật tit, thu hút bạn đọc.

*+Nâng cao chất lượng, tăng tính hấp dẫn bài viết bằng thông tin phản biện, phân tích*

Cần ưu tiên những thông điệp quan trọng, gây chú ý về hình thức, loại bỏ thông tin dài dòng. Ý kiến phản biện phải trên tinh thần xây dựng với sự đa dạng các chủ thể

*+Đa dạng hoá hình thức, phương thức chuyển tải nội dung chính sách về GDDH, phát huy tính tương tác của loại hình báo điện tử*

Phải tích hợp các thông tin video, biểu đồ, đồ họa,...vào trong tác phẩm báo chí. Thậm chí, nên đầu tư tác phẩm dưới dạng mega story.

### **5.3.3. Giải pháp về năng lực tiếp nhận của công chúng**

Năng lực tiếp nhận của công chúng phụ thuộc vào một số yếu tố như: kiến thức, trình độ của công chúng; kỹ năng tiếp nhận chính sách, thái độ tiếp nhận chính sách.

**Tiểu kết chương 5**

## KẾT LUẬN

Báo chí có vai trò trong truyền thông chính sách. Trên thế giới và ở Việt Nam, từ góc độ lý luận đến thực tiễn, các nghiên cứu đều chứng minh điều này. Báo chí góp phần tạo nên “sức mạnh mềm” buộc các nhà hoạch định chính sách phải xem xét toàn bộ quy trình chính sách. Báo chí giúp giảm thiểu “rủi ro”, khủng hoảng chính sách. Việc truyền thông chính sách hướng tới ba mục tiêu: Làm cho đối tượng chính sách biết, hiểu và thực hiện chính sách; Giúp cho họ có cơ hội phản hồi chính sách, giúp nhà xây dựng chính sách điều chỉnh chính sách; Định hướng dư luận xã hội, xây dựng đồng thuận xã hội nhằm tạo hiệu quả cho việc thực thi chính sách.

GDDH tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Để các hoạt động GDDH được diễn ra thuận lợi, theo chiều hướng phát triển thì rất cần chính sách. Chính sách là công cụ quản lý hoạt động của GDDH. Chính sách về GDDH phải được triển khai và thực thi thuận lợi, phục vụ cho nền GDDH đổi mới, tiên tiến và hiện đại. Do đó, báo chí tham gia truyền thông chính sách về GDDH để góp phần thực hiện nhiệm vụ này là bức thiết.

Chính những lý do như vậy, luận án chọn truyền thông chính sách về giáo dục đại học trên báo điện tử làm đối tượng nghiên cứu. Để thực hiện đề tài này, luận án sử dụng lý thuyết tiếp cận như: Lý thuyết Thiết lập chương trình nghị sự, Lý thuyết đóng khung, Chức năng phản biện xã hội. Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích tài liệu, phân tích nội dung thông điệp, phỏng vấn sâu) và phương pháp định lượng (khảo sát bằng anket ở 02 nhóm đối tượng), các phương pháp nghiên cứu liên ngành. Kết quả nghiên cứu chính như sau:

1. Quá trình truyền thông chính sách về GDDH đã có những thành công. Những nội dung mà báo điện tử chọn đăng gắn với lợi ích của các đối tượng thực hiện chính sách. Các vấn đề quan trọng và tầm vĩ mô của GDDH được báo chí phản ánh ở các khía cạnh về kết quả thực thi chính sách, những trở ngại trong quá trình thực thi. Từ đó, báo chí phản ánh các đề xuất, giải pháp góp phần hoàn thiện, điều chỉnh chính sách phù hợp, kêu gọi sự đồng thuận trong xã hội.

2. Nội dung chính sách về GDDH được phản ánh nhanh chóng, tương đối đầy đủ, dễ hiểu đối với người tiếp nhận. Các vấn đề chính sách GDDH được giải thích và phân tích, phản biện bởi những nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia. Những thông báo, chỉ đạo và

quyết tâm triển khai chính sách của Nhà nước ta cũng được các báo thông tin rõ ràng. Hình thức chuyển tải qua các thể loại tương đối đa dạng, gồm các thể loại báo chí, sử dụng các yếu tố đa phương tiện như hình ảnh, hộp dữ liệu, video. Tuy nhiên, đối với chính sách rất cần thêm những bài viết phân tích, bình luận chuyên sâu, có giá trị khoa học và thực tiễn. Đặc biệt là các bài viết của các chuyên gia, nhà khoa học là rất có giá trị

3. Các nhóm đối tượng (CBVC&NLĐ, người học) chủ yếu tiếp nhận thông tin chính sách qua báo điện tử và mạng xã hội, bên cạnh các kênh khác như Website của Bộ, Ngành, đơn vị, tổ chức liên quan đến GDĐH, Bản tin nội bộ, văn bản được phát hành và triển khai trong đơn vị. Công chúng tiếp nhận thông tin chính sách GDĐH rải rác ở một số tờ báo điện tử, tuy nhiên, 02 tờ là Giáo dục và Thời đại online, tạp chí Giáo dục Việt Nam lại ít. Đây cũng là vấn đề đáng quan tâm của những nhà hoạch định chính sách, các cán bộ quản lý thuộc Bộ GD&ĐT.

4. Giải pháp cho việc nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách GDĐH trên báo chí là: Đa dạng hóa nguồn tin kết hợp với việc phối hợp các nguồn tin; Nâng cao năng lực truyền thông của cơ quan báo chí, nhà báo; Nâng cao năng lực thu hút sự tham gia của công chúng; Chú trọng nội dung, thông điệp truyền thông; Nâng cao chất lượng, tạo tính hấp dẫn các bài viết bằng thông tin phản biện, phân tích; Đa dạng hóa hình thức, phương thức chuyển tải nội dung chính sách, phát huy tính tương tác của loại hình báo điện tử.

Việc đề xuất giải pháp trên cơ sở thực tiễn quan sát, khảo sát tin, bài trên các báo, kết hợp với phỏng vấn sâu, khảo sát bằng bảng hỏi anket. Những giải pháp được đề xuất ở Luận án chỉ dành cho các báo điện tử. Mỗi tờ báo còn tùy vào tôn chỉ, mục đích của mình mà có những chiến lược, kế hoạch, cách thức khác nhau để nâng cao chất lượng nội dung và hình thức các tác phẩm phản báo chí. Báo điện tử cũng chỉ là một kênh để truyền thông chính sách về GDĐH đến công chúng, bên cạnh rất nhiều kênh khác. Vì vậy, để truyền thông chính sách về GDĐH đạt hiệu quả còn cần đến sự phối hợp của nhiều phương tiện, đơn vị, nhiều chủ thể.

5. Đối chiếu kết quả nghiên cứu với các giả thuyết đã đặt ra, có thể kết luận:

*Đã kiểm chứng giả thuyết thứ nhất:* Báo điện tử thiết lập chương trình nghị sự trong truyền thông chính sách GDĐH. Bằng việc tăng cường phản ánh chính sách trọng tâm và những vấn đề chính, nội dung

tiêu điểm của GDĐH, báo điện tử khiến công chúng phải quan tâm đến các chính sách mà Nhà nước ta đặt ra. Các nội dung chính sách mà báo chí hướng công chúng chú ý đến và “đóng khung” nhận thức đó là: Sự cần thiết phải quy hoạch lại MLCSGDĐH theo hướng sáp nhập, giải thể các trường đại học yếu kém, phát huy vai trò và mô hình đại học “2 cấp”, các trường đại học thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo mỗi tầng, phấn đấu tham gia xếp hạng quốc tế; thực hiện việc tự chủ hiệu quả trên cơ sở chú trọng tự chủ học thuật, tự chủ về chuyên môn, không nên quá chú trọng về vấn đề tự chủ tài chính; các cơ sở GDĐH phát huy vai trò quản trị của Hội đồng trường, hài hòa và “phân chia” quyền lực hợp lý giữa Đảng ủy- Ban Giám hiệu và Hội đồng trường; các cơ sở GDĐH tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; tham gia kiểm định và nâng cao chất lượng; Nhà nước và các cơ sở GDĐH có chính sách và kế hoạch đầu tư phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, thực hiện hiệu quả việc liên kết với các nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý nâng cao chất lượng thông qua việc đầu tư nghiên cứu khoa học, có sự kết nối, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh; các cơ sở GDĐH có chính sách khuyến khích để phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý bên cạnh việc chú trọng về số lượng, đặc biệt phải phát huy vai trò và “đúng nhiệm vụ” đối với đội ngũ GS, PGS gắn với công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học để tránh “lãng phí” và chảy máu chất xám. Riêng đối với người học, báo điện tử đã tập trung thông tin về chính sách hỗ trợ vay tín dụng cho sinh viên ngành sư phạm, bảo đảm đúng đối tượng và đáp ứng được quyền lợi của người học.

Các nội dung này được đăng tải “đồng dạng” trên các tờ báo, không có sự khác biệt giữa các báo GDTĐO (của Bộ GD&ĐT), tạp chí GDVN (của Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam) và báo Dân trí (của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, báo TTO (của Thành đoàn thành phố Hồ Chí Minh), báo VnE (của Bộ Khoa học và Công nghệ). Đồng thời hầu như ở các báo, tác phẩm báo chí tham gia truyền thông chính sách chủ yếu thuộc dạng thông tấn báo chí, trong đó *Bài phân ánh*, *Tin chiếm đa số*, kể đến là *Bài phỏng vấn*, *Bình luận* vẫn còn ít

*Đã kiểm chứng giả thuyết thứ hai:* Báo điện tử phản biện về chính sách GDĐH, có sự tham gia của một số nhóm đối tượng liên quan đến quy trình chính sách. Các báo tập hợp lực lượng dù không nhiều người nhưng là những đối tượng rất quan trọng cho quy trình chính

sách. Đó là những nhà hoạch định chính sách, chuyên gia, nhà khoa học, những cán bộ quản lý và không quản lý của các cơ sở GDĐH. Bên cạnh đó, một số chính sách đã có sự tham gia của người học, nhà tuyển dụng lao động mặc dù là không nhiều. Nhờ vậy, các nhà hoạch định chính sách có thêm cơ sở dữ liệu khoa học và thực tiễn để điều chỉnh chính sách GDĐH phù hợp. Sự “va đập” các ý kiến, các quan điểm của những nhà quản lý ở trung ương, các trường đại học, các chuyên gia, nhà khoa học,... đều được báo chí phản ánh. Bằng việc huy động trí tuệ, ý kiến đồng đảo của chuyên gia,... báo chí đã thực hiện chức năng phản biện xã hội về chính sách GDĐH. Báo điện tử đã liên kết xã hội, tạo nên “sức mạnh mềm” buộc những nhà soạn thảo chính sách GDĐH phải xem xét vấn đề một cách thấu đáo, đồng thời tìm thấy điểm chung, hài hoà, đồng thuận trong quy trình chính sách. Tuy nhiên, phản biện xã hội về chính sách GDĐH vẫn chỉ tập trung vài chuyên gia, nhà khoa học, lặp đi lặp lại vẫn là một vài người quen thuộc, thậm chí việc trích dẫn ý kiến ở các báo mang tính chất “đồng dạng”. Mặt khác, dù các báo đã phát huy mạnh mẽ tiếng nói của các chuyên gia, nhà khoa học, nhưng như vậy vẫn chưa đầy đủ đối với việc truyền thông chính sách về GDĐH. Báo điện tử cần phải đăng tải nhiều hơn các ý kiến, nguyện vọng của giảng viên, người học và những đối tượng bị tác động bởi chính sách GDĐH.

*Đã kiểm chứng giả thuyết thứ ba:* Báo điện tử xây dựng, góp phần tạo lập sự đồng thuận xã hội về thực thi chính sách GDĐH. Thực tế, không phải chính sách GDĐH nào cũng nhận được sự đồng thuận, vậy nên mắt xích quan trọng nhất trong truyền thông chính sách của báo chí là thông tin, phân tích sao cho các đối tượng chính sách nhận thức được vấn đề liên quan đến lợi ích của họ. Có những chính sách ở giai đoạn thiết kế, hoạch định, xây dựng, đối tượng tiếp nhận không quan tâm, trong khi đây là giai đoạn cần ý kiến phản biện xã hội nhất, nhưng đến khi chính sách được ban hành lại nảy sinh nhiều xung đột do lúc này các mẫu thuẫn lợi ích mới được nhận diện. Việc khơi dậy sự quan tâm của các nhóm đối tượng ngay từ giai đoạn khởi đầu là yếu tố đảm bảo cho chính sách được hình thành và triển khai đúng hướng, góp phần thực thi hiệu quả. Báo chí đã thực hiện được nhiệm vụ này.

*Đã kiểm chứng giả thuyết thứ tư:* Một số nhóm đối tượng công chúng liên quan đối với truyền thông chính sách GDĐH trên báo chí có xu hướng đồng thuận đối với vấn đề, chính sách lớn hiện nay của GDĐH. Đặc thù của chính sách GDĐH khá “kén” công chúng, đặc biệt

đòi hỏi phải có trình độ nhận thức nhất định mới có thể hiểu các vấn đề về chính sách. Vẫn còn nhiều vấn đề về chính sách GDĐH đáng bàn luận, nhưng đa số các nhóm đối tượng đồng tình với những giải pháp, khuyến nghị về thực thi chính sách mà báo điện tử đăng tải. Tuy nhiên, công chúng ngày càng đòi hỏi sự tham gia mạnh mẽ hơn của báo chí vào quy trình chính sách, đặc biệt là phản biện xã hội về chính sách GDĐH.

6. Với vai trò “là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; là diễn đàn của Nhân dân” (Luật Báo chí năm 2016), báo điện tử đã đóng góp trong quy trình chính sách GDĐH. Tuy nhiên, để tăng hiệu quả truyền thông chính sách về GDĐH thì các vấn đề như cơ chế phối hợp giữa nguồn tin (ở đây có cơ quan chức năng) với cơ quan báo chí, năng lực của nhà báo, nội dung, thông điệp và phương thức truyền thông trên báo chí là những vấn đề nên được xem trọng.

7. Thực hiện đề tài luận án với tinh thần trách nhiệm và thái độ cầu thị, NCS đã bước đầu thu thập được một số kết quả khảo sát, đánh giá, phân tích về truyền thông chính sách GDĐH trên một số tờ báo điện tử. Tuy nhiên, phạm vi khảo sát mới chỉ dừng lại ở 05 báo và khảo sát 02 nhóm công chúng (CBVC&NLĐ và người học). Luận án đạt được kết quả bước đầu trong nghiên cứu. Vẫn còn nhiều thiếu sót, khoảng trống trong nghiên cứu, NCS sẽ khắc phục và tiếp tục nghiên cứu ở những công trình tiếp theo.